

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

Giấy chứng nhận ĐKKD 4203000184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 13/02/2008 – thay đổi lần thứ nhất (02) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12 tháng 06 năm 2015 với Mã số doanh nghiệp 5800563106

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2015

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1 - Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – P.1 – TP. Bảo lộc – Lâm Đồng

Điện thoại: 063.3864073 Fax: 063.3711608

Website : capnuocbaoloc.com

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **Nguyễn Trọng Hiếu**

Chức vụ: TVHĐQT –Phó giám đốc Cty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Điện thoại: 063.3711002-0909208786 Fax: 063.3711608

Mail: tronghieucn@yahoo.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty đại chúng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

.Năm báo cáo 2015

I. Lịch sử hoạt động của Công ty :

Hệ thống cấp nước Bảo Lộc được hình thành từ những năm của thập niên 70 thế kỷ 20, hệ thống này hình thành phục vụ chủ yếu cho một số quan chức và chính quyền đương thời. Sau năm 1975, Nhà máy nước Bảo Lộc chịu sự quản lý của UBND huyện Bảo Lộc, đến năm 1992 được sát nhập vào Công ty Cấp nước Lâm Đồng cùng với các Nhà máy nước Di Linh và Đức Trọng. Từ đó đến nay Nhà máy nước Bảo Lộc là một đơn vị thành viên trực thuộc Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 686/QĐ/UB ngày 24/10/1992 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 1998 chuyển thành loại hình doanh nghiệp công ích theo quyết định số 1269/QĐ/UB của UBND Tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình sắp xếp đổi mới, năm 2004 doanh nghiệp lại được điều chỉnh chuyển sang loại hình doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh. Ngày 18/10/2005 UBND Tỉnh Lâm Đồng ra quyết định số 2873/QĐ-UBND thành lập Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng.

1. Những sự kiện quan trọng:

13 tháng 02 năm 2008, Nhà máy nước Bảo Lộc thuộc Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng đã nhận được giấy phép đăng ký kinh doanh mới và chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc theo quyết định cổ phần hóa của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng ngày 04 tháng 05 năm 2006.

+ Niêm yết

Tại sàn giao dịch UPCOM tại SGDCK Hà nội ngày 14/06/2010

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh :

- Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch cho các khu đô thị và khu công nghiệp.
- Quản lý hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và rác thải các khu đô thị, khu Công nghiệp.
- Tư vấn Quy hoạch, lập dự án đầu tư, khảo sát thiết kế - dự toán các công trình Cấp thoát nước, xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi.
- Thi công xây dựng công trình : Cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi.
- Khoan thăm dò và khoan khai thác nước dưới đất.
- Giám sát thi công các công trình xây dựng.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản và dịch vụ nhà đất.

- Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất và mua bán vật tư thiết bị ngành nước.
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch, thương mại ...
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã một (01) lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất (01) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24 tháng 06 năm 2011 với Mã số doanh nghiệp 5800563106.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai (02) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12 tháng 06 năm 2015 với Mã số doanh nghiệp 5800563106. Bổ sung ngành nghề kinh doanh (kiểm định đồng hồ nước). có nội dung như sau:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

Sản xuất và phân phối nước sạch; Tư vấn lập dự án đầu tư; Xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; Sản xuất nước tinh khiết đóng chai; Khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; Xử lý nước thải, xử lý môi trường; Đầu tư xây dựng hạ tầng. Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 56 Lê Thị Pha, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

+ Tình hình hoạt động

Do hiện tại công suất nhà máy chưa khai thác hết, nhân dân nhiều khu vực còn chưa được cung cấp nước. Hiện tại chỉ cung cấp khoảng 53% cho khu vực nội thị trong thành phố . Cho nên để nâng cao hiệu quả trong sản xuất nước thì trước mắt ta cần hoàn thiện và mở rộng phạm vi của hệ thống cấp nước hiện có nhằm phát huy hết hiệu quả của hệ thống và cung cấp nước đầy đủ cho nhân dân. Cty đã hoạt động được hơn 35 năm, tuy nhiên hệ thống cấp nước mới được mở rộng cải tạo vào năm 2002 .khách hàng của Cty rất lớn nhưng không tập trung nên chi phí đầu tư cho 1 khách hàng cao . Cty cũng đã tạo ra được uy tín với khách hàng. Nên việc giữ vững uy tín với khách hàng là nhiệm vụ hàng đầu trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong tương lai .

- Kể từ khi đi vào Cổ phần 2/2008 đến nay Cty đã có nhiều cố gắng tập trung nâng công suất Sản xuất nước từ 7.500m3/ngàydêm đến năm 2012 đạt 11.300 m3/ngày đêm. Đến nay Công ty đã ngưng khoan khai thác nguồn nước ngầm để chuẩn bị tiếp nhận nguồn nước mặt Hồ Nam Phương (dự kiến giai đoạn 1: 2016 là 4.800 m3/ngàydêm ; giai đoạn 2 là 9.800m3/ngày đêm)

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Đầu tư tăng sản lượng ,mở rộng hệ thống ống cấp nước nhằm đáp ứng cho nhu cầu sử dụng cho các đối tượng sử dụng nước trên địa bàn thành phố .

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Hiện nay các các khu công nghiệp đang mở ra, đây là thị trường rất tốt cho việc phátcmở rộng kinh doanh. Cần phải có định hướng đúng đắn để đầu tư và tận dụng nguồn vốn xây dựng hạ tầng của các khu công nghiệp này, đây là nguồn lực không nhỏ đối với việc phát triển ngành nước.

Trên địa bàn thành phố Bảo lộc hiện nay có 02 dự án nước mặt :

- Cty TNHH Cấp thoát nước lâm đồng hiện đang là chủ đầu tư dự án mở rộng hệ thống cấp nước , bổ sung thêm từ nguồn nước mặt từ hồ nước mặt Lộc Thắng khu vực huyện Bảo lâm . Dự án đang ở giai đoạn triển khai ban đầu và đã được ghi nhận vốn đầu tư . nhằm đạt sản lượng đến 2020 là 27.000m3/ngày đêm , đáp ứng sử dụng nước của đô thị loại II theo tiêu chí của UBND Thành phố đề ra . Tuy nhiên tiến độ dự án chậm và đến nay vẫn chưa được triển khai .

- Cty CPĐT Thiên Hòa An đầu tư khai thác nước mặt hồ Nam phương với công suất giai đoạn 1 là 4.800 m³/ngày đêm, giai đoạn 2 đạt tổng 9.600m³/ngày đêm .

Căn cứ vào chủ trương của UBND tỉnh Lâm Đồng . Cty sẽ không khoan khai thác giếng nước ngầm mới , mà cùng với Cty Thiên Hòa an, Dự án ODA tập trung phát triển mạng lưới đường ống mở rộng phạm vi cung cấp nước và để tiếp nhận 02 nguồn nước mặt trên, đồng thời từng bước hạn chế dùng nguồn nước ngầm .

- Có chiến lược tiếp thị đến người dân trên địa bàn , bỏ thói quen tiêu dùng và tiến tới sử dụng nước sạch trong sinh hoạt . Phối hợp với ban ngành chức năng kiểm tra , ngăn chặn các hiện tượng dân tự khoan giếng không phép làm ô nhiễm nguồn nước, tháo tầng chứa nước .

Do kinh doanh ngành nước hiện nay nhà nước còn chi phối về giá bán nên hiệu quả kinh doanh là không cao, để tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp thì cần phải mở rộng ngành nghề kinh doanh như : Kinh doanh mặt hàng nước tinh khiết đóng chai, kinh doanh địa ốc, kinh doanh nhà hàng khách sạn ... Đây là những ngành nghề mới phát triển tại địa phương nên tiềm năng còn rất nhiều trong thời kỳ Thành phố Bảo Lộc đang chuyển biến mạnh .

Tuy nhiên do khả năng phạm vi cấp nước còn thiếu nên nhiệm vụ chủ trọng tâm vẫn là phát triển , mở rộng phạm vi cấp nước trên địa bàn .

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận,tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm....)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	36,508,300,594	37,944,018,230	- 3,79 %
Doanh thu thuần	22.944.148.357	22.193.707.817	3,38 %
Lợi nhuận từ HĐKD	2.685.321.033	2.505.467.677	7,17 %
Lợi nhuận khác	(320.558.952)	(10.933.766)	
Lợi nhuận trước thuế	2.364.762.081	2.494.533.911	- 5,21 %
Lợi nhuận sau thuế	1.776.496.656	1.999.620.522	- 11,16 %
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	685	741	-7,56%

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	TH Năm 2015	% Tăng giảm (so KH)
Doanh thu thuần	19.079.860.000	22.944.148.357	20.25
Lợi nhuận trước thuế	2.280,000,000	2.364.762.081	3.71
Lợi nhuận sau thuế	1,824,000,000	1.776.496.656	-2.61
Cổ tức (%)	4,5	4.6	2.22

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)

- Mở rộng hệ thống cấp nước
- Xây dựng hệ thống xử lý chất lượng nước
- Cải tạo thay thế ống cấp 3 chống bể vỡ, chống thất thoát nước

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

Trong tương lai để đáp ứng cho tỷ lệ dân trong thành phố được sử dụng nước Sạch ,cùng với chủ trương xã hội hóa ngành cấp nước .

Cty Cấp nước Lâm đồng đã có chủ trương đầu tư và phát triển Nguồn nước mặt và hệ thống mạng ống cấp nước từ nguồn vốn vay ADB .

Cty CP đầu tư Thiên Hòa An khai thác nguồn nước mặt Hồ nam phương

Cty sẽ tiếp nhận nguồn nước 02 dự án trên và phát triển mở rộng khách hàng .

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	87.17 %	88.37 %
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	17.82 %	11.63 %
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	17.05%	20.46%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	82.94%	87.03%
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)		
	0.75	0.57
2.2 Khả năng thanh toán nhanh (lần)		
	0.51	0.25
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	10,30	11,23
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	7,74	9,00
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	6,47	7,00
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	4,85	5,00
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu		
	<u>6,57</u>	<u>7,00</u>

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán các năm 2014-2015)

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp : không
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

d) Cổ phiếu	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2014
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu ưu đãi		-
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): không

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ trên vốn Điều lệ (%)
1	Cổ đông bán ra ngoài	649.700	6.497.000.000	24.06%
3	Cổ đông Nhà nước	2.050.300	20.503.000.000	75.94%
	Tổng cộng	2.700.000	27.000.000.000	100,00

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

- Do năm 2013 có số tháng mưa nhiều hơn , Khách hàng sử dụng tiết kiệm nước hơn năm trước, là năm kinh tế gặp nhiều khó khăn , các doanh nghiệp sản xuất có dDN hoạt động cầm chừng, có DN phá sản nên cũng ảnh hưởng đến việc tăng trưởng doanh thu của Cty . Giá vật tư hàng hóa đầu vào tăng (điện) :

- Nước sản xuất : 2,725,745 m³ đạt 101,4% so với kế hoạch

- Nước ghi thu : 2,094,509 m³ đạt 101,2% so với KH

- Tỷ lệ thất thoát : 23.2 % tăng 0,2% so Kế hoạch

Nhìn chung các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh còn lại đều đạt và vượt so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra Tuy nhiên Tỷ lệ thất thoát tăng so kế hoạch do trong năm thành phố tiến hành thi công làm đường QL20, quá trình thi công có bể vỡ ống cấp nước, hệ thống ống phan phối làm từ 5-10 năm đã mục nát cũng làm tăng tỷ lệ thất thoát nước .

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Cơ cấu tổ chức công ty gọn nhẹ , phù hợp với yêu cầu thực tế của công việc
- Đầu tư hệ thống xử lý nâng chất lượng nước

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Trong tương lai nhiệm vụ trọng tâm Cty là cần phải mở rộng mạng lưới cấp nước đạt theo tiêu chí mà TP đã đề ra, có kế hoạch từng bước giảm nguồn nước ngầm , sử dụng nguồn nước mặt. Phát triển mở rộng các ngành nghề đã đăng ký kinh doanh , nhằm đa dạng hóa sản phẩm tăng thêm lợi nhuận cho Cty .

IV. Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	Tài sản ngắn hạn	100		4,683,413,093	4,412,550,751
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		561,515,742	352,462,973
1	Tiền	111	V.1	561,515,742	352,462,973
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,588,663,097	1,873,446,818
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1,770,936,637	1,325,111,337
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	110,799,149	300,000,000
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	751,783,501	293,191,671
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(44,856,190)	(44,856,190)
IV.	Hàng tồn kho	140	V.6	1,502,080,212	2,170,440,958
1	Hàng tồn kho	141		1,502,080,212	2,170,440,958
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		31,154,042	16,200,002
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	31,154,042	16,200,002
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31,824,887,501	33,531,467,479
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		29,408,810,491	31,423,208,608

1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	28,780,064,491	30,771,593,608
-	Nguyên giá	222		51,123,680,321	50,387,695,364
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22,343,615,830)	(19,616,101,756)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	628,746,000	651,615,000
-	Nguyên giá	228		754,671,000	754,671,000
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(125,925,000)	(103,056,000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		286,308,338	265,621,869
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	286,308,338	265,621,869
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		300,000,000	300,000,000
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	300,000,000	300,000,000
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1,829,768,672	1,542,637,002
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1,829,768,672	1,542,637,002
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		36,508,300,594	37,944,018,230

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp D vụ	01	VI.1	22,944,969,357	22,194,354,317
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	821,000	646,500
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		22,944,148,357	22,193,707,817
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	13,596,556,512	13,475,598,638
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9,347,591,845	8,718,109,179
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	23,074,382	24,847,543
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	99,572,119	46,764,928
-	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		99,572,119	46,764,928
8	Chi phí bán hàng	25	VI.5	4,377,731,749	4,236,056,682
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2,208,041,326	1,954,667,435

10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,685,321,033	2,505,467,677
11	Thu nhập khác	31		5,166,000	616,205
12	Chi phí khác	32	VI.7	325,724,952	11,549,971
13	Lợi nhuận khác	40		(320,558,952)	(10,933,766)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,364,762,081	2,494,533,911
15	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	588,265,425	494,913,389
16	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		1,776,496,656	1,999,620,522
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	658	672

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		2,364,762,081	2,494,533,911
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8; 9	2,750,383,074	2,609,926,996
- Các khoản dự phòng	03		-	8,443,990
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(23,074,382)	(24,847,543)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	99,572,119	46,764,928
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5,191,642,892	5,134,822,282
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(729,016,279)	(1,036,699,285)

- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		668,360,746	(789,460,954)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2,456,296,336)	3,570,451,024
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(302,085,710)	88,288,798
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7,847,119)	(46,764,928)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	VI.14	(314,913,389)	(901,648,992)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(290,213,992)	(292,064,125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,759,630,813	5,726,923,820
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(756,671,426)	(4,130,546,570)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	23,074,382	24,847,543
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(733,597,044)	(4,105,699,027)
II I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33	V.18	2,498,833,490	1,380,381,400
4 Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(1,998,833,490)	(1,380,381,400)
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20c	(1,316,981,000)	(1,591,009,032)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(816,981,000)	(1,591,009,032)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		209,052,769	30,215,761
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	352,462,973	322,247,212

- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	561,515,742 352,462,973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần theo Quyết định số 3726/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4203000184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 02 năm 2008 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp mã số 5800563106, đăng ký thay đổi lần thứ nhất (01) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24 tháng 06 năm 2011.

Vốn điều lệ của Công ty là 27.000.000.000 VND (Hai mươi bảy tỷ đồng). Trong đó:

	Vốn góp	Tỷ lệ
Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước Lâm Đồng (đại diện phần vốn góp của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng)	20,503,000,000	76%
Các cổ đông khác	6,497,000,000	24%
	27,000,000,000	100%

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“SGDCK HN”) với mã giao dịch BWA theo Quyết định số 437/TB-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 24 tháng 5 năm 2010. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là Sản xuất và phân phối nước sạch; Tư vấn lập dự án đầu tư; Xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; Sản xuất nước tinh khiết đóng chai; Khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; Xử lý nước thải, xử lý môi trường; Đầu tư xây dựng hạ tầng.

Trụ sở chính Số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
Điện thoại 0633.864073
Fax 0633.711608
Mã số thuế 5800563106

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản Trị

Họ tên:	Chức vụ:	
Ông Võ Quang Tuân	Chủ tịch	bổ nhiệm từ ngày 08 tháng 05 năm 2008
Ông Võ Quốc Trang	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 05 năm 2013
Ông Võ Thành Y	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 05 năm 2013
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 08 tháng 05 năm 2008
Bà Nguyễn Thị Diễm Loan	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 08 tháng 05 năm 2008

Ban kiểm soát

<u>Họ tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Trưởng ban	bổ nhiệm từ ngày 08 tháng 05 năm 2008
Ông Vũ Văn Hoàng	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 08 tháng 05 năm 2008
Ông Nguyễn Văn Đô	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 08 tháng 05 năm 2008

Ban Giám đốc

<u>Họ tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
Ông Võ Thành Y	Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 08 tháng 05 năm 2008
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Phó Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 06 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Thư Trúc	Kế toán trưởng	bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 06 năm 2014

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Võ Thành Y - Giám đốc của Công ty

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần theo Quyết định số 3726/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4203000184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 02 năm 2008 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp mã số 5800563106, đăng ký thay đổi lần thứ nhất (01) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24 tháng 06 năm 2011.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH Một Thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng (đại diện phần vốn góp của Ủy ban Nhân dân “UBND” tỉnh Lâm Đồng)

Công ty mẹ hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5800000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu vào ngày 01 tháng 11 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 4 năm 2011.

Trụ sở chính của công ty mẹ đặt tại số 07 Bùi Thị Xuân, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Hoạt động chính

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là Sản xuất và phân phối nước sạch; Tư vấn lập dự án đầu tư; Xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; Sản xuất nước tinh khiết đóng chai; Khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; Xử lý nước thải, xử lý môi trường; Đầu tư xây dựng hạ tầng, kiểm định đồng hồ nước lạnh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo

Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Công ty đã trình bày lại các thông tin so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 84 người

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 83 người

KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND”)

CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, và các khoản tiền gửi không kỳ hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ	Chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm

Máy móc và thiết bị	02 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	33 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí đồng hồ thuê bao
- Chi phí ống cấp 3, ống trục chung

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho cổ đông sau khi được các cấp có Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Quỹ Đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty

Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa

Doanh thu cung cấp nước

Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận hàng tháng căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và đơn giá đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán bằng cách dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế của dự án. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận là các khoản giảm trừ doanh thu trong kỳ.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận kinh doanh (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên kinh doanh; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận kinh doanh; chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	131,809	44,525,731
Tiền gửi ngân hàng	561,383,933	307,937,242
Tổng cộng	561,515,742	352,462,973

Đơn vị tính: VNĐ

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Quốc Minh	14,554,000	14,554,000
Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Đà Tề	13,700,000	13,700,000
Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	-	34,619,600
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Bảo Lộc	639,779,059	1,189,314,461

Trung tâm Phát triển Quỹ đất Lâm Đồng	1,022,984,802	-
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo lộc	29,149,976	29,149,976
Các khách hàng sử dụng nước	50,768,800	43,773,300
Tổng cộng	1,770,936,637	1,325,111,337
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(44,856,190)	(44,856,190)

Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Công nghệ và Môi trường Á Châu	-	300,000,000
Công ty TNHH MTV Môi trường Đơn Giản	16,000,000	-
Công ty TNHH Vũ Trường Thịnh	61,086,399	-
Văn phòng đăng ký đất đai Bảo Lộc	33,712,750	-
Tổng cộng	110,799,149	300,000,000

Phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Thủ lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	124,200,000	-	138,000,000	-
Tạm ứng;	570,656,646	-	154,872,273	-
Các khoản khác	<u>56,926,855</u>	-	<u>319,398</u>	-
Tổng cộng	<u>751,783,501</u>	-	<u>293,191,671</u>	-

Nợ xấu

<u>Đối tượng nợ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Công ty TNHH Quốc Minh	14,554,000	-	14,554,000	-
Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Đạ Tẻh	13,700,000	-	13,700,000	-
Khách hàng sử dụng nước	50,768,800	34,166,610	43,773,300	27,171,110
Tổng cộng	<u>79,022,800</u>	<u>34,166,610</u>	<u>72,027,300</u>	<u>27,171,110</u>

Đây là các khoản nợ quá hạn từ 01 năm đến trên 03 năm và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu

Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu tồn kho	1,205,783,681	-	998,281,003	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	70,557,916	-	48,808,413	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	225,738,615	-	1,123,351,542	-
Cộng	1,502,080,212	-	2,170,440,958	-

Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	31,154,042	16,200,002

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đồng hồ	859,592,448	789,836,325
Chi phí ống cấp 3	672,133,494	614,279,624
Chi phí ống trục chung	121,654,897	120,302,664
Chi phí công cụ dụng cụ	-	18,218,389
Chi phí sửa chữa lớn	176,387,833	-
Tổng cộng	1,829,768,672	1,542,637,002

Biến động chi phí trả trước dài hạn như sau

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		
Phát sinh tăng	1,542,637,002	1,598,098,800
Phân bổ vào chi phí	1,046,586,362	677,791,947
Số cuối năm	(759,454,692)	(733,253,745)
	1,829,768,672	1,542,637,002

Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	10,632,237,231	10,379,514,059	28,916,866,521	459,077,553	50,387,695,364

Mua trong năm	-	461,832,188	274,152,769	-	735,984,957
Số cuối năm	10,632,237,231	10,841,346,247	29,191,019,290	459,077,553	51,123,680,321

Kh.hao lũy kế

Số đầu năm	4,695,505,565	5,462,401,954	9,053,397,331	404,796,906	19,616,101,756
Khấu hao trong năm	542,848,000	1,051,519,609	1,089,025,544	44,120,921	2,727,514,074
Số cuối năm	5,238,353,565	6,513,921,563	10,142,422,875	448,917,827	22,343,615,830

Giá trị còn lại

Số đầu năm	5,936,731,666	4,917,112,105	19,863,469,190	54,280,647	30,771,593,608
Số cuối năm	5,393,883,666	4,327,424,684	19,048,596,415	10,159,726	28,780,064,491

Trong đó Tài sản khấu hao hết nhưng còn sử dụng :

Số đầu năm	955,267,862	95,258,000	668,394,000	128,960,905	1,847,880,767
Số cuối năm	955,267,862	95,258,000	668,394,000	420,974,826	2,139,894,688

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng, thời hạn sử dụng đất đến tháng 10 năm 2043, tổng diện tích 850 m².

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	754,671,000	103,056,000	651,615,000
Khấu hao trong năm	-	22,869,000	(22,869,000)
Số cuối năm	754,671,000	125,925,000	628,746,000

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đào Duy Từ - Lộc Phát	47,650,924	-
Khu 7 Lộc Phát	134,980,134	134,980,121
Tuyến ống khu 3 Lộc Tiến	101,469,006	64,238,134
Các công trình khác	2,208,274	66,403,614
Tổng cộng	286,308,338	265,621,869

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty đã góp 300.000.000 Đồng, tương đương với 10.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu), vào vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Cấp thoát nước Di Linh tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.

Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	-	236,500,000
Công ty TNHH Một Thành viên Thanh Dung	-	716,274,240
Công ty TNHH Thế Hải	-	391,766,100
Đoàn Tài nguyên nước Nam Tây Nguyên	-	163,780,000
Tổng cộng	-	1,508,320,340

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Bảo Lộc	1,109,000,000	200,000,000

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phải nộp trong năm</u>	<u>Đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế Giá trị gia tăng	171,901,596	771,884,804	(470,209,758)	473,576,642
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	134,913,389	588,265,425	(314,913,389)	408,265,425
Thuế Thu nhập cá nhân	1,306,028	87,276,596	(68,107,588)	20,475,036
Thuế Tài nguyên	43,848,747	588,852,639	(588,511,706)	44,189,680
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	4,142,528	(4,142,528)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	98,387,160	1,284,486,049	(1,283,370,519)	99,502,690
Cộng	450,356,920	3,324,908,041	(2,729,255,488)	1,046,009,473

Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả công nhân viên - Bộ phận sản xuất nước	828,939,209	2,271,125,063

Phải trả công nhân viên - Bộ phận Xây dựng cơ bản	752,521,460	271,731,078
Tổng cộng	1,581,460,669	2,542,856,141

Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	91,725,000	-

Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	108,810,446	61,827,487
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	125,433,261	92,414,261
Nhận tài sản từ UBND tỉnh Lâm Đồng chờ thủ tục tăng vốn	1,440,158,529	1,440,158,529
Chi phí nhân công phải trả công trình cải tạo, nâng cấp quốc lộ 20	-	1,264,864,000
	1,674,402,236	2,859,264,277

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
Vay từ ngân hàng (a)	-	1,298,833,490	(1,298,833,490)	-
Vay từ cá nhân (b)	-	1,200,000,000	(700,000,000)	500,000,000
Tổng cộng	-	2,498,833,490	(1,998,833,490)	500,000,000

Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bảo Lộc theo Hợp đồng tín dụng số 00622/2014/0003221/2014-HDTD/NHCT ngày 24/09/2014. Một số điều khoản cụ thể:

Hạn mức vay	2.000.000.000 VND
Thời hạn vay	6 tháng
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động thực hiện hợp đồng thi công xây dựng công trình
Lãi suất	Lãi suất thả nổi, bằng lãi suất tiết kiệm 6 tháng VND trả lãi sau + biên độ 3,5%/năm
Tài sản đảm bảo	Không có tài sản đảm bảo

Vay ông Nguyễn Khắc Khánh theo hợp đồng vay tiền ngày 02 tháng 02 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	202,142,333	129,168,542
Trích lập trong năm	186,162,052	211,437,916
Sử dụng trong năm	(166,013,992)	(138,464,125)
Số cuối năm	222,290,393	202,142,333

Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2014	27,000,000,000	875,972,730	2,290,522,883	30,166,495,613
Lợi nhuận trong năm	-	-	1,999,620,522	1,999,620,522
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(153,600,000)	(153,600,000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	317,156,874	(528,594,790)	(211,437,916)
Chia cổ tức	-	-	(1,620,000,000)	(1,620,000,000)
Tại ngày 31/12/2014	27,000,000,000	1,193,129,604	1,987,948,615	30,181,078,219
Tại ngày 01/01/2015	27,000,000,000	1,193,129,604	1,987,948,615	30,181,078,219
Lợi nhuận trong năm	-	-	1,776,496,656	1,776,496,656
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(138,000,000)	(138,000,000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)	-	279,243,078	(465,405,130)	(186,162,052)
Chia cổ tức (*)	-	-	(1,350,000,000)	(1,350,000,000)
Tại ngày 31/12/2015	27,000,000,000	1,472,372,682	1,811,040,141	30,283,412,823

Việc trích lập quỹ và chia cổ tức trong năm được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 23 tháng 5 năm 2015.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

31 tháng 12 năm 2015

1 tháng 1 năm 2015

	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ
Vốn Nhà nước (Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp thoát nước Lâm Đồng)	20,503,000,000	76%	20,503,000,000	76%
Vốn góp các đối tượng khác	6,497,000,000	24%	6,497,000,000	24%
Tổng cộng	27,000,000,000	100%	27,000,000,000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ và cuối kỳ	27,000,000,000	27,000,000,000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	1,350,000,000	1,620,000,000
Cổ tức đã trả bằng tiền	(1,316,981,000)	(1,591,009,032)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	2,700,000	2,700,000

Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	2.700.000	2,700,000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2,700,000	2,700,000
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2,700,000	2,700,000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000đ/CP
(31 tháng 12 năm 2015) 10.000đ/CP

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được hưởng quyền cổ tức do Công ty công bố

Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản nhận giữ hộ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	636,289,563	636,289,563

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó	22,944,969,357	22,194,354,317
<i>D. thu thi công lắp đặt</i>	<i>4,460,308,350</i>	<i>3,960,784,628</i>
<i>D. thu cung cấp nước và bán hàng</i>	<i>18,484,661,007</i>	<i>18,233,569,689</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	821,000	646,500
Doanh thu thuần	22,944,148,357	22,193,707,817
Tron g đó:		
<i>D thu thuần thi công lắp đặt</i>	<i>4,459,487,350</i>	<i>3,960,138,128</i>
<i>Doanh thu thuần cung cấp nước và bán hàng</i>	<i>18,484,661,007</i>	<i>18,233,569,689</i>

Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động thi công lắp đặt	3,743,929,549	3,460,060,969
Giá vốn của hoạt động cung cấp nước và bán hàng	9,852,626,963	10,015,537,669
Tổng cộng	13,596,556,512	13,475,598,638

Doanh thu tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6,521,098	4,882,482
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16,553,284	19,965,061
Tổng cộng	23,074,382	24,847,543

Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	99,572,119	46,764,928

Chi phí bán hàng

Các khoản chủ yếu trong chi phí bán hàng bao gồm:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1,820,896,155	1,778,430,768
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	786,922,586	764,997,737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,207,237,465	1,150,387,981
Chi phí bán hàng khác	562,675,543	542,240,196
Tổng cộng	4,377,731,749	4,236,056,682

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chủ yếu trong chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	994,442,641	790,556,602
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23,894,000	16,114,372
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1,189,704,685	1,147,996,461
Tổng cộng	2,208,041,326	1,954,667,435

Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế truy thu từ các năm trước	325,724,952	-
Chi phí khác	-	11,549,971
Tổng cộng	325,724,952	11,549,971

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5,819,049,750	5,040,902,721
Chi phí nhân công	8,407,152,438	8,069,631,233
Chi phí khấu hao Tài sản cố định (Thuyết minh số V.8 và V.9)	2,750,383,074	2,609,926,996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	506,924,531	1,087,312,476
Các chi phí khác bằng tiền	2,968,521,107	2,452,382,645
Tổng cộng	20,452,030,900	19,260,156,071

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty như sau:

Thuế suất TNDN cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục

không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,364,762,081	2,494,533,911
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản phạt	325,724,952	-
<i>Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN</i>	(16,553,284)	(19,965,061)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	2,673,933,749	2,474,568,850
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	588,265,425	494,913,389

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do thiếu thông tin về thị trường

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1,776,496,656	1,999,620,522
Điều chỉnh giảm do trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(186,162,052)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	1,776,496,656	1,813,458,470
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	2,700,000	2,700,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	658	672

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2014 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 23 tháng 5 năm 2015.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Nghiệp vụ với bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty TNHH Một Thành viên cấp thoát nước Lâm Đồng	Đại diện phần vốn góp của UBND tỉnh Lâm Đồng	Cổ tức đã trả	1,025,150,000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	608,079,081	599,624,727
Thù lao	216,000,000	240,000,000
Cộng	824,079,081	839,624,727

Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ

"Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số "&A276&". "&A452&" trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối)."

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản vay	500,000,000	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	561,515,742	352,462,973
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	30,283,412,823	30,181,078,219
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.21.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	561,515,742	352,462,973
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2,522,720,138	1,618,303,008

Đầu tư tài chính dài hạn	300,000,000	300,000,000
Tổng cộng	3,384,235,880	2,270,765,981

Công nợ tài chính

Các khoản vay	500,000,000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1,674,402,236	4,367,584,617
Chi phí phải trả	91,725,000	-
Tổng cộng	2,266,127,236	4,367,584,617

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến các khoản phải thu quá hạn thanh toán khoảng 79.022.800 VND. Trong đó, giá trị khoản dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập là khoảng 44.856.190 VND.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 Năm	Tổng Cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	561,515,742	-	561,515,742
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2,522,720,138	-	2,522,720,138
Đầu tư tài chính dài hạn		300,000,000	300,000,000
Tổng cộng	3,084,235,880	300,000,000	3,384,235,880
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Các khoản vay	500,000,000	-	500,000,000
Phải trả người bán và phải trả khác	1,674,402,236	-	1,674,402,236
Chi phí phải trả	91,725,000	-	91,725,000
Tổng cộng	2,266,127,236	-	2,266,127,236
Chênh lệch thanh khoản thuần	818,108,644	300,000,000	1,118,108,644
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	352,462,973	-	352,462,973
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1,618,303,008	-	1,618,303,008
Đầu tư tài chính dài hạn		300,000,000	300,000,000
Tổng cộng	1,970,765,981	300,000,000	2,270,765,981
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	4,367,584,617	-	4,367,584,617
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	4,367,584,617	-	4,367,584,617
Chênh lệch thanh khoản thuần	(2,396,818,636)	300,000,000	(2,096,818,636)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thi công lắp đặt và cung cấp nước (chiếm 100% doanh thu toàn Công ty) và được thực hiện ở khu vực tỉnh Lâm Đồng.

Phân loại lại số liệu tương ứng

Một số khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	Tại 31/12/2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Tại 31/12/2014 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Phải thu ngắn hạn khác	138,319,398	154,872,273	293,191,671
Tài sản ngắn hạn khác	154,872,273	(154,872,273)	-
Quỹ đầu tư phát triển	742,524,921	450,604,683	1,193,129,604
Quỹ dự phòng tài chính	450,604,683	(450,604,683)	-

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2016, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC**Điền Văn Châu - Phó Tổng Giám đốc***Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề**kiểm toán số 0074-2014-099-1*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Đỗ Hoàng Chương - Kiểm toán viên*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề**kiểm toán số 2662-2015-099-1***Các công ty có liên quan**

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty :

UBND Tỉnh Lâm Đồng .

- Công ty được UBND Tỉnh Ủy quyền

Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan :

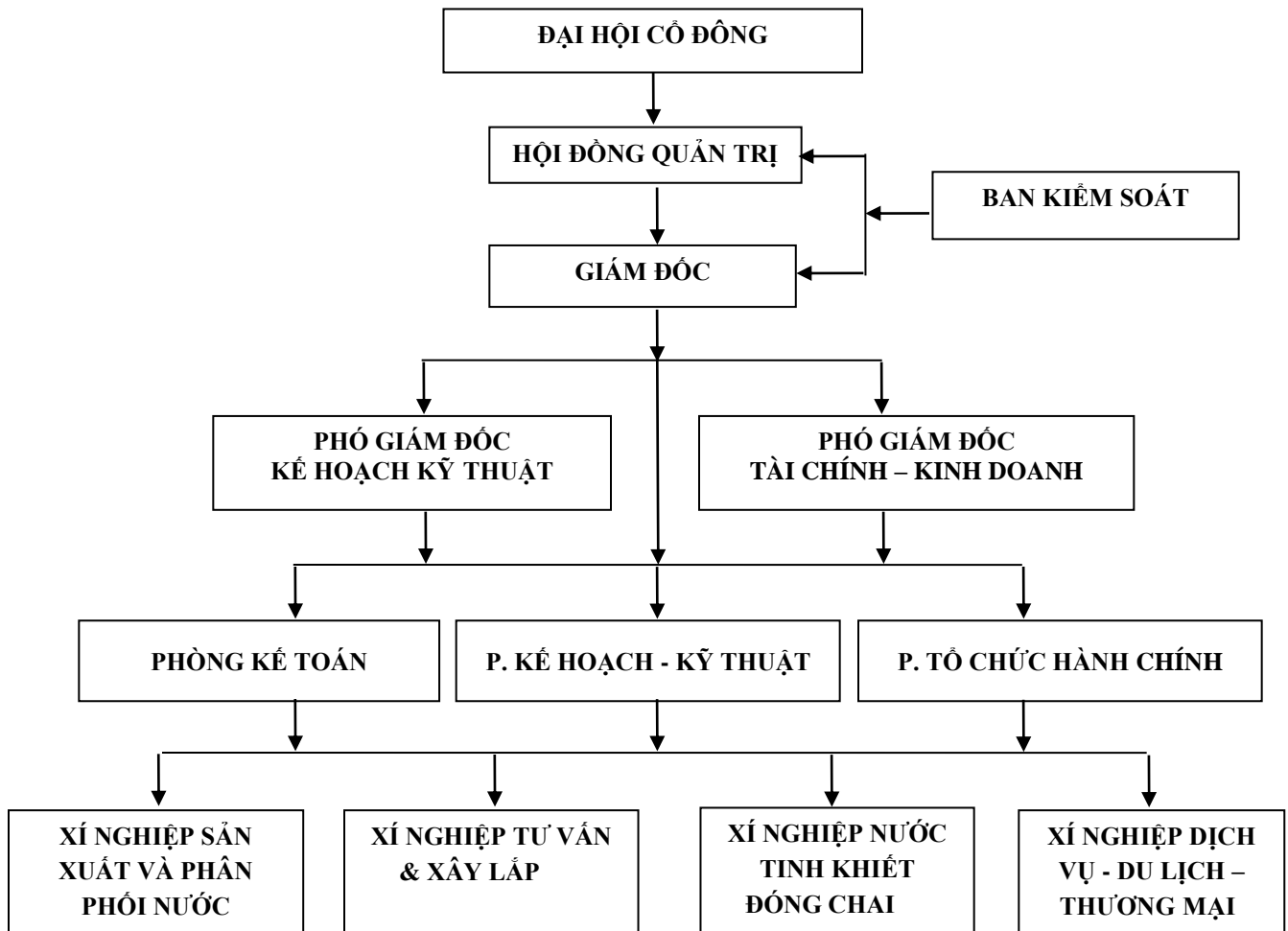
Cty Cổ phần cấp Nước và XD Di linh

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

* Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 686/QĐ/UB ngày 24/10/1992 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 1998 chuyển thành loại hình doanh nghiệp công ích theo quyết định số 1269/QĐ/UB của UBND Tỉnh Lâm Đồng

* Công ty Cổ phần cấp nước và XD Di linh là một doanh nghiệp nhà nước được chuyển qua Cty Cổ phần thành lập theo quyết định số 2129/QĐ/UB ngày 24/08/2009 của UBND tỉnh Lâm Đồng. V/v phê duyệt phương án cổ phần nhà máy nước Di linh

Tổ chức và nhân sự



- Cơ cấu tổ chức của công ty
- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Hội đồng quản trị

1. Ông Võ Quang Tuân – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên:	Võ Quang Tuân
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/04/1957
Nơi sinh:	Đà Lạt – Lâm Đồng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Nguyên quán:	Phú Vang – Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú:	195/12 Phan Đình Phùng, Đà Lạt, Lâm Đồng.
Trình độ Văn hoá :	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
<u>Tóm tắt quá trình công tác:</u>	

- 5/1977 - 1985 : Ban Phân vùng Qui hoạch Lâm Đồng
- 1985 - 7/1991 : Ủy Ban Kế hoạch Thống kê Lâm Đồng
- 7/1991 - nay : Giám đốc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch hội đồng quản trị
 Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Giám đốc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 2000 cổ phần, chiếm 0,07% tổng số cổ phần của công ty.
- Số cổ phần đại diện: 1.435.210 cổ phần, chiếm 53,16% tổng số cổ phần của công ty.
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần.

2. Ông Võ Quốc Trang – Phó chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Võ Quốc Trang**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 08/09/1964
 Nơi sinh: Quảng Ngãi
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Nguyên quán: Quảng Ngãi
 Địa chỉ thường trú: 9A Lê Hồng Phong, Đà Lạt, Lâm Đồng
 Trình độ Văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Tóm tắt quá trình công tác:

- 1982 – nay : Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc
 Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Phó Giám đốc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 5.000 cổ phần, chiếm 0,19% tổng số cổ phần của công ty.

- Số cổ phần đại diện: 615.090 cổ phần , chiếm 22,78% tổng số cổ phần của công ty
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

3. Ông Võ Thành Y – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

Họ và tên: **Võ Thành Y**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 19/05/1957
 Nơi sinh: Yên Thành – Nghệ An
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Nguyên quán: Yên Thành – Nghệ An
 Địa chỉ thường trú: 33 Đinh Tiên Hoàng, P.2, TX. Bảo Lộc, Lâm Đồng.
 Trình độ Văn hoá : 10/10
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 04/1982 – 06/1991 : Nhà máy nước Bảo lộc – huyện Bảo lộc .
- 07/1992 – 02/2008 : Nhà máy cấp nước Bảo lộc TX Bảo Lộc
- 03/2008 – nay : Cty CP Cấp thoát nước và XD bảo lộc

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 10.900 cổ phần chiếm 0.41 % tổng số cổ phần của Công ty
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Phan thị Trâm (vợ) : 5.400 cp chiếm 0.2% tổng số cổ phần của công ty.
- Võ Thị Thái Thanh (con gái) : 7.000 CP 0.26% tổng số cổ phần của công ty.

4. Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Cty

Họ và tên: **Nguyễn Trọng Hiếu**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 23/12/1969
 Nơi sinh: Lập Thạch, Vĩnh Phúc

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Lập Thạch, Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú: 2A/7 Đội Cấn, P.Lộc Sơn, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Trình độ Văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 07/1991 – 06/1992 : Kế toán Xí nghiệp Quản lý Nhà đất và công trình Công cộng Bảo Lộc
- 07/1992 – 02/2008 : Kế toán Nhà máy cấp nước Bảo lộc TX Bảo Lộc thuộc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .
- 03/2008 – 5/2014 : Kế toán Trưởng Cty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc
- 06/2014 – nay : Phó giám đốc Cty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 8.500 cổ phần, chiếm 0,31% tổng số cổ phần của công ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: 3.000 cổ phần
 - ❖ Bà: Dương Thị Hoa, Vợ của Ông: Nguyễn Trọng Hiếu, nắm giữ: 3.000 cổ phần, tương đương 0,11% VDL

5. Bà Nguyễn Thị Diễm Loan – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Nguyễn Thị Diễm Loan**
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 09/05/1967
Nơi sinh: Bảo Lộc, Lâm Đồng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú: 38 Phạm Ngũ Lão, P.2, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Trình độ Văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 1989 – 1995 : Bệnh viên II Lâm Đồng
- 1996 – nay : Phòng khám tư nhân.

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 34.700 cổ phần, chiếm 1.28% tổng số cổ phần của công ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng Ban kiểm soát.

Họ và tên: **Nguyễn Văn Dũng**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 02/06/1968
Nơi sinh: Đà Lạt
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Ninh Thuận
Địa chỉ thường trú: 1A/2/10 Nguyễn Trãi, P.9, Đà Lạt, Lâm Đồng.
Trình độ Văn hoá : 12//12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 1989 – 1990 : Cục Thống Kê Lâm Đồng
- 1991 – nay : Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .

Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Kế TT Cty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: Không
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

2. Ông Nguyễn Văn Độ – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Nguyễn Văn Độ**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 22/08/1965
 Nơi sinh: Thường Tín, Hà Nội
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Nguyên quán: Thường Tín, Hà Nội
 Địa chỉ thường trú: 02 Phan Bội Châu, P.1, Bảo Lộc, Lâm Đồng
 Trình độ Văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kiểm định viên

Tóm tắt quá trình công tác:

- 08/1984 – 12/1988 : Công ty Chè Lâm Đồng
- 1989 – 02/2008 : Nhà máy cấp nước Bảo lộc TX Bảo Lộc thuộc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .
- 03/2008 – nay : CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Chức vụ công tác hiện nay : Kiểm định đồng hồ đo nước, Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 59.600 cổ phần, chiếm 2,21% tổng số cổ phần của c ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

3. Ông Vũ Văn Hoàng – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Vũ Văn Hoàng**
 Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/07/1959
Nơi sinh: Tân Hưng, Vĩnh Bảo, Hải Phòng.
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Tân Hưng, Vĩnh Bảo, Hải Phòng.
Địa chỉ thường trú: 43 Huỳnh Thúc Kháng, P.2, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Trình độ Văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn: Trung cấp kỹ thuật địa chất - thủy văn

Tóm tắt quá trình công tác:

- 02/1980 – 10/1987 : Đoàn địa chất thủy văn 707 – Bảo lộc Lâm đồng
- 03/1997 – 02/2008 : Nhà máy cấp nước Bảo lộc TX Bảo Lộc thuộc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .
- 03/2008 – nay : CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Chức vụ công tác hiện nay : Tổ trưởng tổ ghi chỉ số đồng hồ, Thành viên Ban kiểm soátTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 4.600 cổ phần, chiếm 0,17% tổng số cổ phần của c ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

Ban Giám đốc

1. Ông Võ Thành Y – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

2. Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thành viên HĐQT, Phó giám đốc

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- HĐQT Cty gồm có 05 thành viên :

03 thành viên không trực tiếp làm việc tại cty là :

- Ông : Võ Quang Tuấn : Chủ tịch của HĐQT

- Ông Võ Quốc Trang : Phó chủ tịch HĐQT

- Bà : Nguyễn Thị Diễm Loan : Thành viên HĐQT

02 Thành viên trực tiếp làm việc tại Cty :

- Ông Võ Thành Y - Thành viên HĐQT - Giám đốc Cty

- Ông : Nguyễn Trọng Hiếu : - Thành viên HĐQT- Phó giám đốc Cty

- Ban kiểm soát gồm có 03:

01 Thành viên k trực tiếp làm việc tại Cty:

- Ông Nguyễn Văn Dũng : Trưởng ban KS Cty

02 Thành viên làm việc tại cty:

- Ông : Nguyễn Văn Độ : Thành viên BKS

- Ông Vũ Văn Hoàng : thành viên BKS

- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên : theo điều lệ

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên :

+ Chủ tịch HĐQT : 3.150.000 đồng/tháng

+ Phó chủ tịch HĐQT: 2.700.000 đồng/tháng

+ Thành viên HĐQT: 2.250.000 đồng/ tháng

+ Trưởng ban KS : 2.250.000 đồng/tháng

+ Thành viên BKS: 1.575.000 đồng/tháng

Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành. Giá trị các khoản thù lao và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể.

- Có 03 thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, 01 thành viên Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, 01 Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên (so với thời điểm lập BCTC năm trước)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ	Thay đổi	Ghi chú
01	Võ Quang Tuân	Chủ tịch HĐQT	2.000 1.435.210	0,07 % 53,16%		Cổ phần sở hữu Nhà nước Ủy quyền
02	Võ Quốc Trang	Phó CT HĐQT	5.000 615.090	0,19% 22,78%		Cổ phần Sở hữu Nhà nước Ủy quyền
03	Võ Thành Y	T. viên HĐQT	10.900	0.41 %		Cổ phần Sở hữu
04	Nguyễn Trọng Hiếu	T. viên HĐQT	8.500	0,31%		Cổ phần Sở hữu
05	Nguyễn T Diễm	T. viên HĐQT	34.700	1.28%		Cổ phần Sở hữu

Loan					
------	--	--	--	--	--

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.:

Trong năm các thành viên trong HĐQT, Ban giám đốc điều hành, ban Kiểm soát và những người có liên quan không có giao dịch mua, bán chuyển nhượng cổ phiếu

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước (Được UBND Tỉnh Ủy quyền)

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng là cơ quan đại diện cổ đông phần vốn nhà nước.

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung:

Tên; **Công ty TNHH một TV Cấp thoát nước Lâm Đồng** là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 686/QĐ/UB ngày 24/10/1992 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 1998 chuyển thành loại hình doanh nghiệp công ích theo quyết định số 1269/QĐ/UB của UBND Tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình sắp xếp đổi mới, năm 2004 doanh nghiệp lại được điều chỉnh chuyển sang loại hình doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh. Ngày 18/10/2005 UBND Tỉnh Lâm Đồng ra quyết định số 2873/QĐ-UBND thành lập Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc : số 07 Bùi thị xuân – TP Đà Lạt – Tỉnh Lâm Đồng

Nghành nghề kinh doanh :

Sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt, Khai thác xử lý cung cấp nước sạch phục vụ đô thị và công nghiệp. Tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước. Giám sát thi công công trình xây dựng. Thi công xây dựng công trình cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, nghỉ dưỡng, vườn sinh thái. Sản xuất kinh doanh vật tư ngành nước. Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan nghỉ dưỡng. Quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước. Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thẩm tra dự án đầu tư, đánh giá tác động môi trường. Thiết kế dự toán công trình xây dựng, dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi. Tư vấn lập quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

số CP : 2.050.300 CP chiếm tỷ lệ 75.94 %/Tổng số CP

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập : không

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài : có (01 cổ đông)

**CTY CP CẤP THÓAT NƯỚC VÀ XD BẢO LỘC
GIÁM ĐỐC**

